

PHỤ LỤC 02
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN GIAI NGÂN ĐẾN NGÀY 30/6/2025
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA CỦA 03 XÃ (XÃ NGỌC BAY, XÃ VINH QUANG, XÃ KROONG)
(kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND, ngày /9/2025 của Ủy ban nhân dân xã Ngọc Bay)

DVT: Đồng

TT	Dự án, thành phần	Dự toán năm trước chuyển sang				Dự toán giao đầu năm, bổ sung trong năm (Bao gồm cả ngân sách xã đối ứng)				Dự toán được sử dụng trong năm 2025				Dự toán đã sử dụng đến ngày 30/6/2025			
		Cộng	Xã Ngọc Bay cũ	Xã Kroong cũ	Xã Vinh quang cũ	Cộng	Xã Ngọc Bay cũ	Xã Kroong cũ	Xã Vinh quang cũ	Cộng	Xã Ngọc Bay cũ	Xã Kroong cũ	Xã Vinh quang cũ	Cộng	Xã Ngọc Bay cũ	Xã Kroong cũ	Xã Vinh quang cũ
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9=I+5	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG	488.179.742	407.388.447	47.532.823	33.258.472	2.506.000.000	690.000.000	1.201.000.000	615.000.000	2.994.179.742	1.097.388.447	1.248.532.823	648.258.472	393.806.690	244.589.550	149.217.140	-
I	NGUỒN CTMTQG NÔNG THÔN MỚI (QĐ 3289/QĐ-UBND, ngày 20/12/2024)	420.657.971	406.898.457	1.395.727	12.363.787	400.000.000	160.000.000	160.000.000	80.000.000	820.657.971	566.898.457	161.395.727	92.363.787	393.806.690	244.589.550	149.217.140	-
1	Quy hoạch chung	302.924.457	302.924.457							302.924.457	302.924.457			1.658.355	1.658.355		
2	Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; Xây dựng khu dân cư kiểu mẫu - thôn điểm NTM ở vùng ĐBDTTS	1.314.834		1.314.747	87	180.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	181.314.834	60.000.000	61.314.747	60.000.087	119.094.140	59.877.000	59.217.140	
3	Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào " Cả nước thi đua xây dựng NTM".	80.980		80.980		30.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	30.080.980	10.000.000	10.080.980	10.000.000	10.000.000		10.000.000	
4	Nâng cao hiệu quả hoạt động của thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hoá, thể thao nông thôn, gắn với tổ chức cộng đồng	115.733.700	103.370.000		12.363.700	160.000.000	80.000.000	80.000.000		275.733.700	183.370.000	80.000.000	12.363.700	263.054.195	183.054.195	80.000.000	
5	Kinh phí quản lý	604.000	604.000			30.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	30.604.000	10.604.000	10.000.000	10.000.000	-			
II	CT MTQG GIÁM NGHÈO BỀN VỮNG (QĐ 1901/QĐ-UBND, ngày 30/5/2025)	54.049.771	489.990	32.665.096	20.894.685	1.646.000.000	530.000.000	581.000.000	535.000.000	1.700.049.771	530.489.990	613.665.096	555.894.685	-	-	-	-
1	Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	930.000	292.500	262.500	375.000	869.000.000	278.000.000	313.000.000	278.000.000	869.930.000	278.292.500	313.262.500	278.375.000				
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	45.275.910	152.490	25.026.110	20.097.310	675.000.000	218.000.000	234.000.000	223.000.000	720.275.910	218.152.490	259.026.110	243.097.310	-	-	-	-
*	Tiêu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	683.490	152.490	315.000	216.000	537.000.000	172.000.000	193.000.000	172.000.000	537.683.490	172.152.490	193.315.000	172.216.000	-			
*	Tiêu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng	44.592.420		24.711.110	19.881.310	138.000.000	46.000.000	41.000.000	51.000.000	182.592.420	46.000.000	65.711.110	70.881.310	-			
3	Dự án 6. TDA 2: Truyền thông và giảm nghèo về đa chiều	3.000		3.000		18.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	18.003.000	6.000.000	6.003.000	6.000.000	-			
4	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	7.840.861	45.000	7.373.486	422.375	84.000.000	28.000.000	28.000.000	28.000.000	91.840.861	28.045.000	35.373.486	28.422.375	-	-	-	-
*	Tiêu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	7.840.861	45.000	7.373.486	422.375	57.000.000	19.000.000	19.000.000	19.000.000	64.840.861	19.045.000	26.373.486	19.422.375				
*	Tiêu dự án 2. Giám sát, đánh giá	-				27.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	27.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000				
III	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (QĐ 1901/QĐ-UBND, ngày 30/5/2025)	13.472.000	-	13.472.000	-	460.000.000	-	460.000.000	-	473.472.000	-	473.472.000	-	-	-	-	-
1	Dự án 1, Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất	13.000.000		13.000.000		-				13.000.000		13.000.000					
2	DA 3, Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	268.000		268.000		284.000.000		284.000.000		284.268.000		284.268.000					

TT	Dự án, thành phần	Dự toán năm trước chuyển sang				Dự toán giao đầu năm, bổ sung trong năm (Bao gồm cả ngân sách xã đối ứng)				Dự toán được sử dụng trong năm 2025				Dự toán đã sử dụng đến ngày 30/6/2025			
		Cộng	Xã Ngọc Bay cũ	Xã Kroong cũ	Xã Vinh quang cũ	Cộng	Xã Ngọc Bay cũ	Xã Kroong cũ	Xã Vinh quang cũ	Cộng	Xã Ngọc Bay cũ	Xã Kroong cũ	Xã Vinh quang cũ	Cộng	Xã Ngọc Bay cũ	Xã Kroong cũ	Xã Vinh quang cũ
3	ĐA 4. TDA 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	-				140.000.000		140.000.000		140.000.000		140.000.000					
4	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	204.000		204.000		36.000.000		36.000.000		36.204.000		36.204.000					